

BÀI 1: THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU

Câu 1: Đại bộ phận châu Âu có khí hậu gì?

- A. Ôn đới hải dương và ôn đới lục địa.
- B. Ôn đới hải dương và ôn đới Địa Trung Hải.
- C. Ôn đới Địa Trung Hải và ôn đới lục địa.
- D. Ôn đới Địa Trung Hải và cận nhiệt đới.

Câu 2: Châu Âu có đường bờ biển bị cắt xẻ mạnh, dài khoảng

- A. 34 000 km.
- B. 43 000 km.
- C. 40 000 km.
- D. 41 000 km.

Câu 3: Địa hình núi trẻ chiếm bao nhiêu % diện tích lãnh thổ?

- A. 1,5%.
- B. 1%.
- C. 5%.
- D. 5,1%.

Câu 4: Sông Đa-nuyp dài bao nhiêu km?

- A. 3 690 km.
- B. 1 320 km.
- C. 4 720 km.
- D. 2 850 km.

Câu 5: Châu Âu có bao nhiêu mặt giáp biển và đại dương

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 6: Vùng Đông Âu sâu trong nội địa phổ biến là rừng gì?

- A. Lá rộng.
- B. Lá kim.
- C. Lá cứng.
- D. Hỗn giao.

Câu 8: Đồng bằng nào lớn nhất châu Âu

- A. Bắc Âu.
- B. Đông Âu.
- C. Tây Âu.
- D. Trung lưu sông Đa-nuýp.

Câu 9: Các sông quan trọng ở châu Âu là gì?

- A. Đa-nuyp, Rai-nơ và U-ran.
- B. Đa-nuyp, Von-ga và U-ran.
- C. Đa-nuyp, Rai-nơ và Von-ga.
- D. Đa-nuyp, Von-ga và Đôn.

Câu 11: Sông dài nhất châu Âu là

- A. Von-ga.
- B. Đa-nuýp.
- C. Rai-nơ.
- D. En-bơ (Elbe).

Câu 12: Đường bờ biển châu Âu dài bao nhiêu?

- A. 43 000 km.
- B. 34 000 km.
- C. 143 000 km.
- D. 443 000 km.

Câu 13: Nhận định nào sau đây đúng

- A. Châu Âu Có diện tích nhỏ thứ ba thế giới.
- B. Châu Âu có diện tích lớn thứ hai thế giới.
- C. Châu Âu Có diện tích nhỏ, chỉ lớn hơn châu Đại Dương.
- D. Châu Âu có diện tích nhỏ, chỉ lớn hơn châu Nam Cực.

Câu 14: Châu Âu ngăn cách với Châu Á bởi dãy núi nào?

- A. Xcandinavi.
- B. Uran.
- C. Cacpat.
- D. Anpơ.

Câu 16: Các sông đổ ra Bắc Băng Dương thường có đặc điểm gì?

- A. Nhiều phù sa.
- B. Bị đóng băng vào mùa đông.
- C. Cửa sông rất giàu thủy sản.
- D. Gây ô nhiễm

Câu 18: Mật độ sông ngòi của châu Âu có đặc điểm gì?

- A. Dày đặc.
- B. Nghèo nàn.
- C. Rất dày đặc.
- D. Thưa thớt.

Câu 20: Khu vực địa hình nào chiếm diện tích chủ yếu ở châu Âu

- A. Đồng bằng.
- B. Miền núi.
- C. Núi già.
- D. Núi trẻ.

Câu 22: Điều nào không đúng khi nói về châu Âu

- A. Các sông ở châu Âu đầy nước quanh năm, có nhiều lũ lớn.
- B. Mạng lưới sông ngòi ở châu Âu dày đặc.
- C. Hệ thống kênh đào nối các sông ở châu Âu.
- D. Sông Von-ga đổ ra biển Ca-xpi.

Câu 23: Khí hậu cực và cận cực có đặc điểm

- A. Phân bố ở các đảo và vùng ven biển phía Tây.
- B. Phân bố ở trung tâm và phía đông của châu lục.
- C. Phân bố chủ yếu ở phía Bắc châu lục và các đảo vùng cực.
- D. Phân bố ở trung tâm và phía đông của châu lục.

BÀI 2. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU ÂU

Câu 1: Người nhập cư vào châu Âu có nguồn gốc nào là chủ yếu?

- A. Nam Phi.
- B. châu Nam Cực.
- C. châu Á và châu Mỹ.
- D. châu Á và Bắc Phi.

Câu 3: Năm 2020, số dân châu Âu khoảng bao nhiêu triệu người?

- A. 747,6 triệu người.
- B. 549,3 triệu người.
- C. 656,9 triệu người.
- D. 720,8 triệu người.

Câu 4: Dân cư châu Âu có trình độ học vấn như thế nào?

- A. thấp.
- B. cao.
- C. trung bình.
- D. không xác định được.

Câu 6: Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở châu Âu

- A. rất thấp.
- B. thấp.
- C. cao.
- D. rất cao.

Câu 7: Những năm gần đây, dân số châu Âu tăng chủ yếu do nguyên nhân nào?

- A. Kế hoạch hóa.
- B. Chính sách dân số.
- C. Nhập cư.
- D. Di cư.

Câu 10: Dân cư châu Âu phân bố thưa thớt ở đâu?

- A. thung lũng lớn.
- B. các vùng duyên hải.
- C. đồng bằng.
- D. vùng có khí hậu lạnh giá phía Bắc.

Câu 12: Năm 2020 châu Âu tiếp nhận khoảng bao nhiêu triệu người di cư quốc tế?

- A. 85,7 triệu.
- B. 86,7 triệu.
- C. 87,7 triệu.
- D. 88,7 triệu.

Câu 15: Dân cư châu Âu có

- A. tỉ lệ người dưới 15 tuổi và người từ 65 tuổi trở lên đều thấp.
- B. tỉ lệ người dưới 15 tuổi và người từ 65 tuổi trở lên đều cao.
- C. tỉ lệ người dưới 15 tuổi thấp, tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên cao.
- D. tỉ lệ người dưới 15 tuổi cao và tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên thấp.

Câu 16: Đô thị hóa ở châu Âu không có đặc điểm

- A. Tỷ lệ dân thành thị cao.
- B. Các thành phố nối tiếp nhau thành dải đô thị.
- C. Đô thị hóa nông thôn phát triển.
- D. Dân thành thị ngày càng tăng.

Câu 20: Năm 2020, tỉ lệ dân đô thị ở châu Âu là khoảng

- A. 60%.
- B. 70%.
- C. 65%.
- D. 75%.

BÀI 3. PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU

Câu 1: Giải pháp bảo vệ môi trường không khí ở châu Âu là

- A. kiểm soát đầu ra của các nguồn rác thải.
- B. đánh thuế phát thải các-bon, giảm lượng xe lưu thông.
- C. tăng cường tái chế và tái sử dụng chất thải.
- D. xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

Câu 9: Nguyên nhân chính dẫn đến ô nhiễm môi trường không khí ở châu Âu?

- A. sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, hoạt động vận tải.
- B. sản xuất công nghiệp, tiêu thụ điện, vận tải đường bộ.
- C. sản xuất công nghiệp, tiêu thụ năng lượng, dịch vụ.
- D. sản xuất công nghiệp, tiêu thụ lương thực, vận tải đường bộ.

Câu 2: Điều không phải là giải pháp để cải thiện chất lượng không khí ở Châu Âu?

- A. Giảm sử dụng than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên.
- B. Phát triển nông nghiệp sinh thái.
- C. Làm sạch khí thải.
- D. Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng cac-bon cao.

Câu 3: Nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sinh hoạt và sản xuất ở châu Âu

- A. nước sông.
- B. nước ngầm và băng hà.
- C. nước trong ao, hồ.
- D. nước sông và nước ngầm.

Câu 6: Ngành kinh tế nào sử dụng nhiều nước ngọt nhất ở châu Âu

- A. Nông, lâm, ngư nghiệp.
- B. Công nghiệp và xây dựng.
- C. Dịch vụ.
- D. Công nghiệp và dịch vụ.

Câu 4: Vấn đề nào sau đây giữ vai trò quan trọng đối với châu Âu?

- A. dân số.
- B. kinh tế.
- C. ô nhiễm môi trường.
- D. đa dạng sinh học.

Câu 5: Tỷ lệ độ che phủ rừng ở Phần Lan năm 2020 là bao nhiêu?

- A. 35%.
- B. 39%.
- C. 66%.
- D. 69%.

Câu 8: Tỷ lệ độ che phủ rừng ở châu Âu năm 2020 là bao nhiêu?

- A. 35%.
- B. 39%.
- C. 66%.
- D. 31%.

Câu 10: Đa dạng sinh học nào giữ vai trò quan trọng đối với châu Âu?

- A. Đa dạng sinh học rừng và biển.
- B. Đa dạng sinh học rừng ngập mặn.
- C. Đa dạng sinh học sinh vật.
- D. Đa dạng sinh học sinh học và biển.

BÀI 4: LIÊN MINH CHÂU ÂU

Câu 1: Đây là tên viết tắt của liên minh châu Âu?

- A. ASEAN.

B. EU.

C. WHO.

D. OPEC.

Câu 2: Tổ chức tiền thân của Liên minh châu Âu là?

A. Cộng đồng kinh tế Đông Âu.

B. Cộng đồng kinh tế Á-Âu.

C. Cộng đồng kinh tế Tây Âu.

D. Cộng đồng kinh tế châu Âu.

Câu 3: Năm 2020 liên minh châu Âu gồm bao nhiêu quốc gia thành viên?

A. 26 quốc gia.

B. 27 quốc gia.

C. 28 quốc gia.

D. 29 quốc gia.

Câu 4: Dân số của liên minh châu Âu năm 2020 là bao nhiêu?

A. 444,7 triệu người.

B. 445,7 triệu người.

C. 446,7 triệu người.

D. 447,7 triệu người.

Câu 6: Hệ thống tiền tệ chung của liên minh châu Âu là?

A. Đồng Ô-rô.

B. Đồng Đô-la.

C. Đồng Rup.

D. Đồng Bảng Anh.

Câu 7: Năm 2020, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Liên minh châu Âu đạt?

A. Hơn 15 nghìn tỉ USD.

B. Hơn 16 nghìn tỉ USD.

C. Hơn 17 nghìn tỉ USD.

D. Hơn 18 nghìn tỉ USD.

Câu 8: Năm 2020, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Liên minh châu Âu xếp thứ mấy trên thế giới?

A. Đứng đầu thế giới.

B. Xếp thứ hai thế giới.

C. Xếp thứ ba thế giới.

D. Xếp thứ tư thế giới.

Câu 9: Đối tác kinh tế lớn nhất của Liên minh châu Âu là?

A. Các nước châu Âu.

B. Bắc Mỹ và châu Á - Thái Bình Dương.

C. Nam Mỹ và châu Phi.

D. Châu Đại Dương.

Câu 11: Liên minh châu Âu là trung tâm dịch vụ, công nghiệp đứng thứ mấy trên thế giới?

A. Hàng đầu.

B. Thứ hai.

C. Thứ ba.

D. Thứ tư.

Câu 12: EU có vai trò như thế nào đối với các hoạt động tài chính - ngân hàng, giao thông vận tải, truyền thông, ngành công nghiệp công nghệ cao trên thế giới?

- A. Vai trò lớn.
- B. Vai trò không thể thay thế được.
- C. Vai trò quan trọng.
- D. Vai trò hàng đầu.

Câu 13: Cho biết GDP của thế giới năm 2020 là 84679,9 tỉ USD và của EU là 15292,1 tỉ USD, vậy tỉ lệ GDP của EU trong tổng GDP của thế giới chiếm bao nhiêu %?

- A. 18,1%.
- B. 19,1%.
- C. 20,1%.
- D. 21,1%.

Câu 14: Năm 2020 có bao nhiêu quốc gia thành viên EU sử dụng đồng Ô-rô là đồng tiền chính thức của quốc gia mình?

- A. 27.
- B. 25.
- C. 19.
- D. 18.

Câu 15: Quốc gia nào sau đây đã rời khỏi Liên minh châu Âu vào năm 2020?

- A. Lúc-xem-bua.
- B. Đức.
- C. Anh.
- D. Italia.

BÀI 5: THIÊN NHIÊN CHÂU Á

Câu 2: Diện tích của châu Á tính cả các đảo là?

- A. 44,1 triệu km².
- B. 41,4 triệu km².
- C. 44,4 triệu km².
- D. 44,3 triệu km².

Câu 3: Lãnh thổ châu Á có hình dạng gì?

- A. Dạng tròn.
- B. Dạng vuông.
- C. Dạng khối.
- D. Dạng chữ nhật.

Câu 4: Phần lãnh thổ trên đất liền của châu Á kéo dài từ?

- A. Cực bắc đến cực nam.
- B. Cận cực bắc tới xích đạo .
- C. Cận cực bắc đến chí tuyến nam.
- D. Cận cực Bắc đến chí tuyến bắc.

Câu 5: Châu Á không tiếp giáp với đại dương nào?

- A. Bắc Băng Dương.
- B. Thái Bình Dương.
- C. Đại Tây Dương.
- D. Ấn Độ Dương.

Câu 8: Khu vực núi, cao nguyên và sơn nguyên chiếm mấy phần diện tích lãnh thổ châu Á?

- A. 1/2.
- B. 2/3.
- C. 2/4.

D. 3/4.

Câu 9: Sơn nguyên nào ở châu Á đồ sộ nhất thế giới?

A. Tây Tạng.

B. Mông Cổ.

C. Đê Can.

D. Trung Xi-bia.

Câu 10: Tài nguyên khoáng sản quan trọng nhất ở châu Á là?

A. Sắt, crôm, dầu mỏ, khí tự nhiên.

B. Dầu mỏ, than đá, sắt, man-gan, đồng, khí tự nhiên.

C. Dầu mỏ, than đá.

D. Sắt, dầu mỏ.

Câu 11: Kiểu khí hậu phổ biến ở châu Á là?

A. Gió mùa và lục địa.

B. Gió mùa và hải dương.

C. Hải dương và lục địa.

D. Lục địa và núi cao.

Câu 12: Khí hậu gió mùa châu Á phân bố ở?

A. Phía bắc và nam.

B. Phía đông và đông nam.

C. Phía Tây Nam Á.

D. Trung Á.

Câu 13: Yếu tố tự nhiên nào tạo điều kiện để châu Á phát triển thủy điện, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, giao thông đường thủy?

A. Biển.

B. Hồ.

C. Suối.

D. Sông ngòi.

Câu 14: Vì sao mạng lưới sông ngòi khu vực Tây Nam Á và Trung Á kém phát triển?

A. Do có nhiều sa mạc.

B. Do có khí hậu lục địa khô hạn.

C. Do có nhiều núi cao.

D. Do có ít rừng.

Câu 15: Thảm thực vật chủ yếu ở đới nóng châu Á là?

A. Rừng thưa và rừng rụng lá.

B. Thảo nguyên và xa van.

C. Rừng lá cứng và rừng rụng lá.

D. Rừng nhiệt đới.

BÀI 6: ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á

Câu 1: Số dân của châu Á năm 2020 là bao nhiêu (không tính số dân của Liên bang Nga)?

A. 4,6 tỉ người.

B. 4,64 tỉ người.

C. 4,46 tỉ người.

D. 4,61 tỉ người.

Câu 2: Dân số châu Á chiếm bao nhiêu % số dân thế giới?

A. Gần 50%.

B. Gần 60%.

C. Gần 70%.

D. Gần 80%.

Câu 3: Năm 2020 tỉ suất tăng dân số tự nhiên của châu Á đạt?

A. 0,86%.

B. 0,96%.

C. 0,97%.

D. 0,98%.

Câu 4: Châu Á có cơ cấu dân số theo độ tuổi là?

A. Cơ cấu dân số vàng.

B. Cơ cấu dân số trẻ.

C. Cơ cấu dân số già.

D. Cơ cấu dân số trung bình.

Câu 6: Tôn giáo nào không ra đời ở châu Á?

A. Phật giáo.

B. Ấn Độ giáo.

C. Ki-tô giáo.

D. Đạo tin lành.

Câu 7: Phật giáo ra đời tại quốc gia nào?

A. Trung Quốc.

B. Pa-le-xtin.

C. Thái Lan.

D. Ấn Độ.

Câu 8: Mật độ dân số châu Á năm 2020 đạt?

A. 148 người/km².

B. 149 người/km².

C. 150 người/km².

D. 151 người/km².

Câu 9: Nhận định nào sau đây là đúng khi nói về phân bố dân cư ở châu Á?

A. Dân cư phân bố không đồng đều.

B. Dân cư phân bố rất đều.

C. Dân cư phân bố chủ yếu ở miền núi.

D. Dân cư phân bố chủ yếu ở ngoại ô.

Câu 11: Tỉ lệ dân đô thị của châu Á năm 2020 đạt?

A. 50,9%.

B. 51,3%.

C. 51,1%.

D. 51,4%.

Câu 12: Các đô thị lớn của châu Á thường tập trung tại khu vực nào?

A. Đồng bằng.

B. Ven biển.

C. Sơn nguyên.

D. Cao nguyên.

Câu 14: Năm 2020, châu Á đứng thứ mấy trên thế giới về số lượng các đô thị có quy mô dân số lớn?

A. Đứng thứ hai.

B. Đứng đầu.

C. Đứng thứ ba.

D. Đứng thứ tư.

BÀI 7: BẢN ĐỒ CHÍNH TRỊ CHÂU Á, CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á

Câu 1: Châu Á được phân chia thành mấy khu vực?

A. 4.

B. 5.

C. 6.

D. 7.

Câu 2: Việt Nam nằm ở khu vực nào của châu Á?

A. Đông Á.

B. Bắc Á.

C. Nam Á.

D. Đông Nam Á.

Câu 3: Châu Á gồm bao nhiêu quốc gia và vùng lãnh thổ?

A. 48.

B. 49.

C. 50.

D. 52.

Câu 4: Thực vật chủ yếu của khu vực Bắc Á là?

A. Rừng lá rộng.

B. Thảo nguyên.

C. Rừng tai-ga.

D. Rừng thưa.

Câu 6: Sông ngòi Bắc Á chảy theo hướng nào?

A. Từ bắc xuống nam.

B. Từ tây sang đông.

C. Từ đông sang tây.

D. Từ nam lên bắc.

Câu 7: Khu vực nào của châu Á không giáp với đại dương?

A. Bắc Á.

B. Đông Á.

C. Tây Nam Á.

D. Trung Á.

Câu 8: Khí hậu ở Trung Á mang tính chất?

A. Ôn đới hải dương mát, ẩm.

B. Ôn đới lục địa gay gắt.

C. Cận nhiệt gió mùa nóng, ẩm.

D. Cận nhiệt lục địa khô, nóng.

Câu 9: Các sông lớn Hoàng Hà, Trường Giang nằm ở khu vực nào của châu Á?

A. Đông Á.

B. Nam Á.

C. Đông Nam Á.

D. Tây Nam Á.

Câu 10: Tài nguyên khoáng sản quan trọng nhất ở Tây Nam Á là?

A. Sắt.

B. Dầu mỏ.

C. Đồng.

D. Vàng.

Câu 11: Cảnh quan chủ yếu của Tây Nam Á là?

- A. Rừng lá kim.
- B. Xa van.
- C. Hoang mạc và bán hoang mạc.
- D. Rừng nhiệt đới thường xanh.

Câu 12: Hệ thống núi Hi-ma-lay-a đồ sộ nằm ở khu vực nào của châu Á?

- A. Nam Á.
- B. Đông Á.
- C. Trung Á.
- D. Tây Nam Á.

Câu 15: Khu vực Đông Nam Á chia làm những bộ phận nào?

- A. Đất liền và các quần đảo.
- B. Đồi và đồng bằng.
- C. Núi và đồng bằng.
- D. Cao nguyên và đồng bằng.

Bài 9: Thiên nhiên châu Phi

Câu 2: Phần lớn lãnh thổ châu Phi nằm giữa?

- A. Xích đạo.
- B. Chí tuyến bắc và chí tuyến nam.
- C. Vòng cực Bắc.
- D. Vòng cực Nam.

Câu 3: Kênh đào Xuy-ê nối những biển nào?

- A. Biển Đỏ với bán đảo Xi-nai.
- B. Biển Đỏ với biển Địa Trung Hải.
- C. Địa Trung Hải với biển Ban-tích.
- D. Địa Trung Hải với vịnh Ghi-nê.

Câu 4: Địa hình bề mặt châu Phi có đặc điểm là?

- A. Cắt xẻ mạnh.
- B. Có nhiều núi cao, sông sâu.
- C. Chủ yếu là núi cao.
- D. Khá bằng phẳng.

Câu 8: Nhận định nào sau đây **không đúng** với tài nguyên khoáng sản của châu Phi?

- A. Khoáng sản rất phong phú và đa dạng.
- B. Khoáng sản rất ít.
- C. Nhiều loại có trữ lượng lớn.
- D. Phân bố chủ yếu ở phía bắc và phía nam lục địa.

Câu 11: Các loại khoáng sản kim loại quý như vàng, kim cương phân bố ở khu vực nào của châu Phi?

- A. Bắc Phi.
- B. Đông Phi.
- C. Nam Phi.
- D. Tây Phi.

Câu 9: Đặc điểm khí hậu Châu Phi?

- A. Mát mẻ, chia làm bốn mùa rõ rệt.
- B. Nóng, ẩm, mưa nhiều.
- C. Khô và lạnh.
- D. Khô, nóng bậc nhất thế giới.

Câu 10: Nhiệt độ trung bình năm cao, khoảng 250C, mưa quanh năm, lượng mưa lớn, có nơi đạt 3000mm/năm ... là đặc điểm của đới khí hậu nào của châu Phi?

- A. Cận nhiệt.
- B. Cận xích đạo.
- C. Xích đạo.
- D. Nhiệt đới.

Câu 12: Khí hậu nhiệt đới ở châu Phi có đặc điểm?

- A. Rất khô và nóng.
- B. Rất khô và lạnh.
- C. Rất nóng và ẩm.
- D. Rất lạnh và ẩm.

Câu 14: Sông nào sau đây là con sông nổi tiếng ở châu Phi?

- A. Sông Von-ga.
- B. Sông Nin.
- C. Sông Mê-công.
- D. Sông Ô-bi.

Câu 15: Chiếm diện tích lớn nhất, phân bố chủ yếu ở khu vực chí tuyến. Thảm thực vật, sông ngòi kém phát triển là đặc điểm của môi trường tự nhiên nào ở châu Phi?

- A. Xích đạo.
- B. Nhiệt đới.
- C. Hoang mạc.
- D. Cận nhiệt.

Bài 10: Dân cư, xã hội châu Phi

Câu 1: Số dân châu Phi năm 2020 là bao nhiêu?

- A. Hơn 1,3 tỉ người.
- B. Hơn 1,33 tỉ người.
- C. Hơn 1,4 tỉ người.
- D. Hơn 1,44 tỉ người.

Câu 2: Số dân châu Phi chiếm tỉ lệ bao nhiêu % của dân số thế giới?

- A. 14%.
- B. 15%.
- C. 16%.
- D. 17%.

Câu 3: Nhiều quốc gia ở châu Phi có tỉ suất tăng dân số tự nhiên là?

- A. 2,5%.
- B. 3,0%.
- C. 3,5%.
- D. 4%.

Câu 4: Đặc điểm di cư của châu Phi biến động như thế nào?

- A. Số người xuất cư nhiều hơn nhập cư.
- B. Số người nhập cư nhiều hơn xuất cư.
- C. Chủ yếu là người nhập cư.
- D. Chủ yếu là người xuất cư.

Câu 10: Châu Phi có cơ cấu dân số theo độ tuổi là?

- A. Cơ cấu dân số trẻ.
- B. Cơ cấu dân số già.
- C. Cơ cấu dân số vàng.

D. Cơ cấu dân số tương đối trẻ.

Câu 11: Dân số đông, tăng nhanh cùng với số người trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao đã tạo ra nhiều áp lực đối với vấn đề gì ở châu Phi?

A. Xung đột quân sự.

B. Giải quyết việc làm, đói nghèo.

C. Cạn kiệt tài nguyên.

D. Ô nhiễm môi trường.

Câu 5: Khu vực nào của châu Phi chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của nạn đói?

A. Nam Phi.

B. Phía nam Xa-ha-ra.

C. Trung Phi.

D. Bắc Phi.

Câu 6: Nguyên nhân dẫn đến thiếu hụt lương thực ở châu Phi là?

A. Tăng dân số nhanh.

B. Đất chật người đông.

C. Điều kiện canh tác hạn chế, xung đột vũ trang.

D. Khí hậu quá nóng.

Câu 7: Để giải quyết nạn đói các quốc gia châu Phi dựa vào nguồn lực nào?

A. Mua lương thực của thế giới.

B. Tự sản xuất lương thực.

C. Vay lương thực của thế giới.

D. Phụ thuộc vào cứu trợ lương thực khẩn cấp.

Câu 8: Nguyên nhân dẫn tới các cuộc xung đột quân sự tại châu Phi?

A. Vấn đề thiếu lương thực.

B. Mâu thuẫn bộ tộc, cạnh tranh tài nguyên.

C. Cạn kiệt khoáng sản.

D. Ô nhiễm môi trường.

Câu 9: Hậu quả do xung đột quân sự đem lại tại châu Phi?

A. Ảnh hưởng đến đời sống người dân, quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

B. Nghèo đói.

C. Giảm dân số.

D. Trẻ em không được đến trường.

Câu 12: Giấy Pa-pi-rut, phép tính là phát minh của?

A. Người châu Phi.

B. Người châu Á.

C. Người Ấn Độ.

D. Người châu Mỹ.

Câu 13: Kim tự tháp Gi-da được xây dựng ở?

A. Ai Cập.

B. Nam Phi.

C. Xu Đãng.

D. Ê-ti-ô-pi-a.

Câu 14: Kiến trúc nào sau đây được coi là kì quan thế giới còn tồn tại đến ngày nay ở châu Phi?

A. Vườn treo.

B. Tháp nghiêng.

C. Kim tự tháp Gi-da.

D. Đấu trường La Mã.

LỊCH SỬ

Bài 1 Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu

Câu 1: Chế độ phong kiến Tây Âu ra đời trong hoàn cảnh

- A.** đế quốc La Mã lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy vong.
- B.** đế quốc La Mã đã bị diệt vong.
- C.** các lãnh địa của lãnh chúa đang hình thành.
- D.** quá trình bóc lột của lãnh chúa đối với nông nô diễn ra mạnh mẽ.

Câu 2: Chế độ chiếm hữu nô lệ của La Mã sụp đổ năm nào

- A.** 475.
- B.** 476.
- C.** 576.
- D.** 676.

Câu 4: Hai giai cấp cơ bản của xã hội phong kiến Tây Âu là

- A.** địa chủ và nông dân.
- B.** lãnh chúa và nông nô.
- C.** quý tộc và nông nô.
- D.** lãnh chúa và nông dân.

Câu 8: Chế độ phong kiến châu Âu thời sơ kì trung đại được gọi là chế độ phong kiến phân quyền vì có sự phân biệt rõ giữa quyền lập pháp của nhà vua và quyền hành pháp của lãnh chúa

- A.** Chính quyền được phân thành nhiều bộ với những chức năng, nhiệm vụ độc lập.
- B.** Mỗi lãnh địa như một nước nhỏ, một pháo đài kiên cố, bất khả xâm phạm
- C.** Nhà vua có quyền lực tối cao nhưng quyền hành của bộ máy giúp việc, đứng đầu là Tể tướng, cũng không nhỏ
- D.** Có sự phân biệt rõ giữa quyền lập pháp của nhà vua và quyền hành pháp của lãnh chúa

Câu 17: Ý nào sau đây không đúng khi nói về lãnh địa phong kiến?

- A.** Trong lãnh địa, hoạt động trao đổi, buôn bán diễn ra tập nập.
- B.** Là vùng đất thuộc quyền sở hữu của các lãnh chúa phong kiến.
- C.** Trong lãnh địa, kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo.
- D.** Nông nô là lực lượng lao động chủ yếu trong các lãnh địa.

Câu 11: Cư dân đầu tiên lập nên thành thị ở Tây Âu thời trung đại là

- A.** thợ thủ công
- B.** thương nhân
- C.** nông dân
- D.** nông nô

Câu 14: Cư dân chủ yếu trong các thành thị Tây Âu thời trung đại là

- A.** thương nhân.
- B.** thợ thủ công.
- C.** nông nô và lãnh chúa.
- D.** thợ thủ công và thương nhân.

Câu 15: Em hãy trình bày:

- Đặc điểm của lãnh địa phong kiến Tây Âu?
- Mối quan hệ giữa lãnh chúa và nông nô trong xã hội phong kiến?

Đáp án:

- Đặc điểm của lãnh địa phong kiến Tây Âu:

+ Lãnh địa phong kiến là những vùng đất đai rộng lớn bị quý tộc biến thành của riêng và được cha truyền con nối.

+ Mỗi lãnh địa phong kiến là một đơn vị hành chính - kinh tế biệt lập, khép kín, thuộc về một lãnh chúa.

+ Lãnh chúa có toàn quyền trong lãnh địa phong kiến, có quân đội và tự đặt luật lệ riêng.

+ Cấu trúc của lãnh địa: bên trong là lâu đài kiên cố, có hào sâu và tường bao quanh dành cho lãnh chúa; bên ngoài chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp, đồng cỏ chăn thả gia súc, rừng và nhà ở của nông nô.

+ Trong lãnh địa, kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, đời sống kinh tế khép kín, chủ yếu là tự cung tự cấp.

- Mối quan hệ giữa lãnh chúa và nông nô trong xã hội phong kiến:

+ Lãnh chúa không phải lao động, chỉ luyện tập cung kiếm, đi săn; dùng địa tô và tự đặt ra những thứ thuế để bóc lột nông nô.

+ Nông nô lệ thuộc lãnh chúa về thân phận và ruộng đất, họ phải thuê đất canh tác của lãnh chúa và phải nộp tô rất nặng.

Câu 16: Thành thị Tây Âu trung đại ra đời như thế nào? Em hãy phân tích vai trò của thành thị đối với sự phát triển của Tây Âu trung đại?

Đáp án:

- Sự ra đời của thành thị Tây Âu trung đại:

+ Thế kỷ XI, sản xuất thủ công nghiệp trong các lãnh địa phát triển dẫn đến nhu cầu trao đổi sản phẩm.

+ Một số thợ thủ công tìm cách thoát ra khỏi lãnh địa, tập trung ở những nơi đông người qua lại để bán hàng và lập xưởng sản xuất.

+ Các thị trấn nhỏ bắt đầu xuất hiện, dần trở thành những thành phố lớn gọi là thành thị trung đại.

- Vai trò của thành thị đối với sự phát triển của Tây Âu trung đại:

+ Sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp trong thành thị đã phá vỡ kinh tế tự nhiên của các lãnh địa, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hoá phát triển, hình thức hội chợ ra đời.

+ Thành thị mang lại không khí tự do và nhu cầu mở mang tri thức cho mọi người.

+ Thế kỷ XIII, nhiều thành thị phát triển, trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá của Tây Âu như London, Paris,...

+ Từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XV, nền kinh tế hàng hoá của các thành thị phát triển đòi hỏi nhu cầu phá bỏ sự cản trở của kinh tế lãnh địa; nhiều thành thị ủng hộ các vị vua tập quyền, xoá bỏ chế độ phong kiến phân quyền.

BÀI 2. CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ

Câu 1: Mũi Bão Tố là tên gọi được đặt bởi nhà hàng hải

A.C. Cô-lôm-bô.

B. V. Ga-ma.

C. B. Đi-a-xơ.

D. Ma-gien-lăng.

Câu 3: Nhà thám hiểm đầu tiên thực hiện chuyến đi vòng quanh thế giới là

A. B. Đi-a-xơ.

B. Va-xcô đơ Ga-ma.

C. C. Cô-lôm-bô.

D. Ph.Ma-gien-lăng.

Câu 4: Đoàn thám hiểm của **C.** Cô-lôm-bô đã phát hiện ra châu lục nào?

A. Châu Á.

B. Châu Âu.

C. Châu Phi.

D. Châu Mỹ.

Câu 5: Cuộc phát kiến địa lí của **B.** Đi-a-xơ được tiến hành vào thế kỉ nào?

A. Thế kỉ XIV.

B. Thế kỉ XV.

C. Thế kỉ XVI.

D. Thế kỉ XVII.

Câu 7: Những quốc gia nào đi đầu trong các cuộc phát kiến địa lí thời trung đại?

A. Mỹ, Anh.

B. Trung Quốc, Ấn Độ.

C. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

D. Pháp, Đức.

Câu 10: Người thực hiện chuyến hành trình thám hiểm qua cực Nam châu Phi, cập bến Ca-li-cút (Ấn Độ) năm 1498 là

A. **C.** Cô-lôm-bô.

B. Đi-a-xơ.

C. Ph. Ma-gien-lan.

D. Va-xcô đơ Ga-ma.

Câu 9: Ý nào dưới đây **không phải** là hệ quả tích cực của các cuộc phát kiến địa lí từ thế kỉ XV?

A. Thị trường thế giới được mở rộng, thương nghiệp phát triển.

B. Nảy sinh quá trình cướp bóc thuộc địa và buôn bán nô lệ.

C. Là cuộc cách mạng thực sự trên lĩnh vực giao thông và tri thức.

D. Thúc đẩy sự khủng hoảng, tan rã của chế độ phong kiến.

Câu 11: Phát kiến địa lí đã đem lại những hiểu biết mới về Trái Đất, đặc biệt đã chứng minh một cách thuyết phục rằng:

A. Trái Đất quay quanh Mặt Trời.

B. Mặt trời quay quanh Trái Đất.

C. Trái Đất có dạng hình cầu.

D. Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.

Câu 12: Em hãy:

- Miêu tả trên lược đồ đường đi của các cuộc phát kiến địa lí. Kể tên những địa danh được các nhà thám hiểm đặt tên trên những chuyến hải trình của họ.

- Sự kết nối đường biển giữa châu Á và châu Âu, giữa châu Âu và châu Mỹ liên quan cụ thể đến những cuộc phát kiến địa lí nào? Chuyến đi nào kết nối tất cả các châu lục lại với nhau?

Đáp án:

- Những cuộc phát kiến địa lí xuất phát từ Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, vượt đại dương tìm đường sang phương Đông.

+ Năm 1487, Đi-a-xơ đi từ Bồ Đào Nha xuống điểm cực Nam của châu Phi, điểm đó ông đặt tên là Mũi Bão Tố, sau gọi là mũi Hảo Vọng.

+ Năm 1492, Cô-lôm-bô tìm đường từ Tây Ban Nha qua Phương Đông. Thuyền đi từ phía tây, đến đảo Xan Xan-va-đô, Cuba và Hi-xpa-ni-ô-la và nhằm tưởng đây là Ấn Độ.

- + Năm 1498, Ga-ma đã từ Bồ Đào Nha qua điểm cực nam của châu Phi, cập bến Ca-li-cút và tới Ấn Độ.
- + Năm 1519, Ma-gien-lan từ Tây Ban Nha tìm đường tới đảo gia vị Ma-lu-cu. Ông đi qua điểm cực nam của châu Mỹ tới đại dương được ông đặt tên là Thái Bình Dương, sau ông bị thiệt mạng tại Phi-lip-pin, những người còn lại về đến Tây Ban Nha vào năm 1522.
- Cuộc phát kiến địa lí của Ma-gien-lan và Cô-lôm-bô liên quan đến việc kết nối đường biển giữa châu Âu và châu Mỹ.
- Cuộc phát kiến địa lí của Đì-a-xơ, Ga-ma và Ma-gien-lan liên quan đến việc kết nối đường biển giữa châu Âu và châu Á.
- Chuyến đi của Ma-gien-lan đã kết nối tất cả các châu lục lại với nhau, trở thành chuyến đi vòng quanh trái đất đầu tiên trong lịch sử loài người.

Câu 13: Em hãy trình bày hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.

Đáp án:

- Hệ quả tích cực:
 - + Đem lại cho con người những hiểu biết về Trái Đất hình cầu, về những vùng đất mới, tuyến đường mới, dân tộc mới,...
 - + Thúc đẩy sự trao đổi kinh tế, văn hoá giữa các châu lục (hàng hoá, cây trồng, ngôn ngữ,...)
 - + Thị trường thế giới được mở rộng, thúc đẩy sự ra đời của chủ nghĩa tư bản.
- Hệ quả tiêu cực:
 - + Sự ra đời của chủ nghĩa thực dân và nạn cướp bóc thuộc địa.
 - + Nảy sinh nạn buôn bán nô lệ da đen.
 - + Thổ dân châu Mỹ và nền văn hoá của họ bị huỷ diệt.

BÀI 3. SỰ HÌNH THÀNH QUAN HỆ SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở TÂY ÂU TRUNG ĐẠI

Câu 1: Nông dân mất đất, phải vào làm thuê trong các đồn điền, trang trại, bán sức lao động, trở thành

- A. công nhân nông nghiệp.
- B. công nhân xí nghiệp.
- C. công nhân chất lượng cao.
- D. công nhân canh tác.

Câu 2: Một bộ phận lớn chủ đất ở nông thôn cũng chuyển dân sang kinh doanh tư bản chủ nghĩa, lập các đồn điền, trang trại lớn, thuê mướn nhân công, dân trở thành

- A. tư sản địa chủ.
- B. tư sản mại bản.
- C. tư sản nông nghiệp.
- D. tư sản công nghiệp.

Câu 3: Sự ra đời các công ty thương mại giúp

- A. thúc đẩy buôn bán giữa các quốc gia.
- B. đem lại quyền lợi kinh tế và chính trị cho giai cấp tư sản.
- C. thúc đẩy buôn bán giữa các nước và đem lại quyền lợi cho giai cấp tư sản.
- D. thúc đẩy buôn bán giữa các nước và đem lại quyền lợi cho giai cấp vô sản.

Câu 4: Công ty Đông Ấn của Anh thành lập vào năm nào?

- A. 1601
- B. 1406
- C. 1600

D. 1400

Câu 5: Hai giai cấp cơ bản trong xã hội tư bản chủ nghĩa ở châu Âu là gì?

A. tư sản và tiểu tư sản.

B. tư sản và nông dân.

C. tư sản và vô sản.

D. tư sản và công nhân.

Câu 6: Em hãy nêu những biểu hiện về sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản trong lòng xã hội phong kiến ở Tây Âu.

Đáp án:

Những biểu hiện về sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản trong lòng xã hội phong kiến ở Tây Âu:

- Từ thế kỷ XVI, trong các thành thị Tây Âu, tổ chức phường hội dần dần được thay thế bằng các công trường thủ công.
 - Quan hệ giữa chủ và thợ được thay thế bằng quan hệ giữa chủ xưởng (tư sản) và người lao động (vô sản).
 - Một bộ phận lớn chủ đất ở nông thôn chuyển dần sang kinh doanh tư bản chủ nghĩa, lập các đồn điền, trang trại lớn, thuê mướn nhân công, dần trở thành tư sản nông nghiệp.
 - Nông dân mất đất, phải vào làm thuê trong các đồn điền, trang trại, bán sức lao động, trở thành công nhân nông nghiệp.
 - Về thương mại, các thương nhân, chủ ngân hàng trở thành những nhà tư bản có thế lực lớn trong xã hội.
 - Đầu thế kỷ XVII, các công ty thương mại ra đời, thúc đẩy buôn bán giữa các quốc gia, đem lại quyền lợi kinh tế và chính trị cho giai cấp tư sản.
- Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã nảy sinh với sự hình thành của các giai cấp mới - tư sản và vô sản.

BÀI 4. VĂN HÓA PHỤC HƯNG

Câu 1: Phong trào Văn hóa Phục hưng lan rộng khắp châu Âu trong khoảng thời gian nào?

A. Thế kỷ XV, XVI

B. Thế kỷ XIX, XX

C. Thế kỷ X, XI

D. Thế kỷ XIII, XIV

Câu 2: Nghệ thuật Phục hưng bắt đầu ở đâu?

A. Cam-pu-chia

B. Phi-ren-xê

C. Rô-ma

D. Ấn Độ

Câu 3: Đại diện tiêu biểu nhất của Phong trào văn hóa Phục Hưng trong lĩnh vực hội họa là ai?

A. Rem-bran

B. Van-Gốc

C. Lê-ô-na đơ Vanh-xi

D. Lê-vi-tan

Câu 4: Mi-ken-lăng-giơ nổi tiếng với lĩnh vực nào?

A. kiến trúc và văn học

B. kiến trúc, điêu khắc và hội họa

C. hội họa và âm thực

D. khoa học và kỹ thuật

Câu 5: Một trong những tác phẩm nổi tiếng của nhà soạn kịch Sếch-xpia là

A. Đôn-ki-hô-tê.

B. Rô-mê-ô và Giu-li-ét.

C. Bữa tối cuối cùng.

D. Nàng Mô-na Li-sa.

Câu 6: Một trong những tác phẩm tiêu biểu của M. Xéc-van-téc là

A. tiểu thuyết “Đôn Ki-hô-tê”.

B. tiểu thuyết “Những người khốn khổ”.

C. tập thơ “Mùa hái quả”.

D. sử thi “I-li-át”.

Câu 7: Em hãy:

- Trình bày những biến đổi quan trọng về kinh tế ở Tây Âu thế kỉ XIII - XVI.

- Cho biết những tầng lớp mới nào xuất hiện trong xã hội. Tại sao họ lại có nhu cầu xây dựng một hệ tư tưởng và văn hoá mới?

Đáp án:

- Những biến đổi quan trọng về kinh tế ở Tây Âu thế kỉ XIII - XVI:

+ Từ thế kỉ XIII, thành thị có vai trò là những trung tâm kinh tế quan trọng nhất của Tây Âu. Nhiều xưởng sản xuất với quy mô lớn, các công ty thương mại xuất hiện tập trung chủ yếu ở thành thị.

+ Mầm móng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dần dần xuất hiện.

- Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện, trong xã hội hình thành hai giai cấp mới là giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Tầng lớp chủ xưởng, thương gia và đặc biệt chủ các ngân hàng dù giàu có và có thế lực nhưng lại chưa có địa vị xã hội tương xứng; do đó, họ ủng hộ và bảo trợ cho những tư tưởng mới trong các lĩnh vực khoa học, văn học và nghệ thuật dẫn đến sự ra đời của phong trào văn hoá mới gọi là phong trào văn hoá Phục hưng.

Câu 8: Trình bày một số thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng. Em có ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao?

Đáp án:

Một số thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng:

- Trong lĩnh vực văn học: nổi bật là tác phẩm "Hài kịch thần thánh" của Đan-tê, Đôn Ki-hô-tê của Xéc-van-téc. Đỉnh cao là những vở kịch của Sếch-xpia như Hăm-lét, Rô-mê-ô và Giu-li-ét,...tập trung lên án sự tàn bạo, tham lam của tầng lớp phong kiến, đấu tranh cho tự do và tình yêu.

- Trong lĩnh vực nghệ thuật: đỉnh cao của nghệ thuật Phục Hưng gắn với hai danh họa Lê-ô-na đơ Vanh-xi và Mi-ken-lăng-giơ.

+ Một số tác phẩm hội họa tiêu biểu của Lê-ô-na đơ Vanh-xi như Bữa ăn tối cuối cùng, La Giô-công-đơ,...

+ Những tác phẩm nổi tiếng của Mi-ken-lăng-giơ như " Sáng tạo thế giới" vẽ trên trần nhà thờ Xi-xtin ở Roma, tượng Đa-vít, Người nô lệ bị trói,...

- Trong lĩnh vực khoa học: Nhiều nhà khoa học đã dũng cảm chống lại những quan điểm sai lầm bảo thủ, góp phần thay đổi cách nhìn của con người thời bấy giờ về Trái Đất và vũ trụ như Cô-péc-ních, Bru-nô, Ga-li-lê.

Em ấn tượng nhất với thành tựu về lĩnh vực khoa học của phong trào văn hoá Phục hưng. Họ đã dám chống lại những suy nghĩ sai lầm mà đã được giới quyền lực công

nhận hàng nghìn năm và đưa ra được những kết luận có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với ngành nghiên cứu khoa học tự nhiên hiện nay.

Câu 9: Ăng-ghe đánh giá phong trào Văn hoá Phục hưng: "Đó là một cuộc cách mạng tiến bộ, vĩ đại nhất mà loài người chưa từng thấy". Em có đồng ý với quan điểm này không? Vì sao?

Đáp án:

Em đồng ý với quan điểm của nhà bác học Ăng-ghe khi đánh giá về phong trào Văn hoá Phục hưng: "Đó là một cuộc cách mạng tiến bộ, vĩ đại nhất mà loài người chưa từng thấy". Dựa vào các thành tựu cũng như đặc điểm của phong trào Văn hoá Phục hưng, chúng ta có thể thấy được phong trào đã cho thấy bước tiến vượt bậc nền văn minh châu Âu nói riêng và nền văn minh nhân loại nói chung. Phong trào đã phá vỡ sự thống trị tinh thần hàng nghìn năm của nhà thờ Thiên Chúa giáo đối với dân chúng và đã phá chế độ phong kiến. Từ phong trào đã xuất hiện những con người mà tác phẩm và tư tưởng của họ đã khai sáng châu Âu trung cổ và thay đổi lịch sử văn minh nhân loại. Với những thành tựu mà nó đạt được, phong trào đã làm thay đổi nhận thức của con người, đặt cơ sở và mở đường cho sự phát triển của văn hoá Tây Âu trong những thế kỉ tiếp theo.

BÀI 5. PHONG TRÀO CẢI CÁCH TÔN GIÁO

Câu 1: Sự kiện nào đã làm bùng lên Phong trào cải cách tôn giáo?

- A. Giáo hội Thiên Chúa cho phép tự do bán "thẻ miễn tội"
- B. Giáo hội Thiên Chúa cho phép nhập cư
- C. Giáo hội Thiên Chúa cho phép ngoại giao
- D. Giáo hội Thiên Chúa cho phép phát triển du lịch

Câu 2: Tôn giáo mới nào được ra đời trong Phong trào cải cách tôn giáo?

- A. Đạo Hồi.
- B. Đạo Tin Lành.
- C. Đạo Do Thái.
- D. Đạo Kito

Câu 3: Các nhà cải cách tôn giáo phủ nhận vai trò của ai?

- A. mọi công dân
- B. nô lệ
- C. Giáo hội, Giáo hoàng
- D. Tư sản và vô sản

Câu 4: Sau Cải cách tôn giáo, Thiên Chúa giáo phân chia thành mấy giáo phái?

- A. 2 giáo phái.
- B. 3 giáo phái.
- C. 4 giáo phái.
- D. 5 giáo phái.

Câu 5: Cải cách tôn giáo đã làm bùng lên cuộc đấu tranh nông dân rộng lớn ở

- A. Mĩ.
- B. Đức.
- C. Hà Lan.
- D. Tây Ban Nha.

Câu 6: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng nội dung của phong trào cải cách tôn giáo ở châu Âu trong các thế kỉ XVI - XVII?

- A. Đòi bãi bỏ các lễ nghi phiền toái.

B. Lên án nghiêm khắc Giáo hội Thiên Chúa giáo.

C. Phê phán những hành vi không chuẩn mực của giáo hoàng.

D. Bảo vệ các giáo lý và các lễ nghi của Giáo hội Thiên Chúa giáo.

Câu 7:

- Vì sao xuất hiện phong trào Cải cách tôn giáo?

- Tại sao việc nhà thờ bán "thẻ miễn tội" lại châm ngòi cho phong trào Cải cách tôn giáo bùng nổ?

Đáp án:

- Nguyên nhân xuất hiện phong trào Cải cách tôn giáo:

+ Thời kì Phục hưng, Giáo hội Thiên Chúa giáo công khai đàn áp những tư tưởng tiến bộ, trở thành một thế lực cản trở bước tiến của xã hội. Vì thế, giai cấp tư sản đang lên muốn thay đổi và "cải cách" lại tổ chức Giáo hội.

+ Năm 1517, do cần tiền, Giáo hội cho phép tự do bán "thẻ miễn tội", sự kiện này làm bùng nên phong trào Cải cách tôn giáo.

- Việc nhà thờ bán "thẻ miễn tội" đã châm ngòi cho phong trào Cải cách tôn giáo bùng nổ bởi lẽ đối với một bộ phận người dân đây là một hành động kiếm tiền trắng trợn, là trò lừa bịp của Giáo hội. Theo Giáo hội, "thẻ miễn tội" có thể xóa bỏ mọi "tội lỗi" cho con người, điều này đi ngược lòng tin vào Chúa Trời của mọi người. Mọi người tin rằng số phận con người do Chúa quyết định, chỉ cần lòng tin vào Chúa là sẽ được cứu vớt, tốn kém cũng không cần thiết, việc bỏ ra một ít tiền mua thẻ miễn tội không giải quyết được gì. Đây là một hành động chỉ nhằm để chuộc lợi của Giáo hội.

Câu 8: Nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo là gì? Xã hội châu Âu đã có những thay đổi gì từ phong trào Cải cách tôn giáo?

Đáp án:

- Nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo:

+ Các nhà cải cách tôn giáo công khai phê phán những hành vi sai trái của Giáo hội, chống lại việc Giáo hội tùy tiện giải thích Kinh thánh.

+ Các nhà cải cách cho rằng chỉ cần đặt niềm tin vào Thiên Chúa và Kinh Thánh thì con người sẽ được cứu rỗi, không cần phải thông qua các giáo sĩ hay các nghi lễ phức tạp.

+ Họ phủ nhận vai trò Giáo hội, Giáo hoàng và chủ trương không thờ tranh tượng, xây dựng một Giáo hội đơn giản, tiện lợi và tiết kiệm thời gian.

- Những biến đổi của xã hội châu Âu từ phong trào Cải cách tôn giáo:

+ Đạo Ki-tô đã bị chia thành hai giáo phái: Cựu giáo là Thiên Chúa giáo và Tân giáo là tôn giáo Tin Lành.

+ Các thế lực bảo thủ đã đàn áp những người theo Tân giáo dẫn đến tình trạng bất ổn trong xã hội và châm ngòi cho cuộc chiến tranh nông dân ở Đức năm 1524.

+ Phong trào đã tác động thuận lợi đến hoạt động phát triển kinh tế của tư sản. Hầu hết các thành phố theo đạo Tin Lành có nền kinh tế phát triển hơn so với các thành phố theo Công giáo.

BÀI 6 KHÁI LƯỢC TIỀN TRÌNH LỊCH SỬ TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Câu 1: Từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX, Trung Quốc đã trải qua các triều đại

A. Tần, Hán, Tùy, Nguyên, Minh, Thanh.

B. Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh.

C. Đường, Ngũ đại, Tống, Nguyên, Minh, Thanh.

D. Đường, Tống, Nguyên, Ngũ đại, Minh, Thanh.

Câu 2: Triều đại phong kiến cuối cùng của Trung Quốc là

A. Thanh.

B. Minh.

C. Nguyên.

D. Tần

Câu 3: Hai triều đại “ngoại tộc” ở Trung Quốc là

A. Tần và Đường.

B. Nguyên và Thanh.

C. Đường và Thanh.

D. Tống và Nguyên.

Câu 4: Từ thế kỉ XIX, chính quyền phong kiến Mãn Thanh

A. suy yếu và đối mặt với nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây.

B. bước vào giai đoạn phát triển toàn thịnh trên nhiều lĩnh vực.

C. vươn lên trở thành đế chế hùng mạnh nhất thế giới.

D. mới được hình thành và bước đầu phát triển.

Câu 5: Dưới thời Đường, tình hình nông nghiệp của Trung Quốc như thế nào?

A. Phát triển mạnh mẽ.

B. Sa sút, thường xuyên mất mùa.

C. Không có gì thay đổi so với trước đó.

D. Kém phát triển, nạn đói xảy ra thường xuyên.

Câu 6: Người sáng lập ra triều Minh ở Trung Quốc là

A. Tần Doanh Chính.

B. Chu Nguyên Chương.

C. Triệu Khuông Dẫn.

D. Lý Thế Dân.

Câu 7: Chế độ phong kiến chuyên chế ở Trung Quốc phát triển đến đỉnh cao dưới thời kì cai trị của triều đại nào?

A. Nhà Nguyên.

B. Nhà Đường.

C. Nhà Minh.

D. Nhà Hán.

Câu 8: Nhận xét nào dưới đây đúng với sự phát triển của Trung Quốc dưới thời kì cai trị của nhà Đường?

A. Chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.

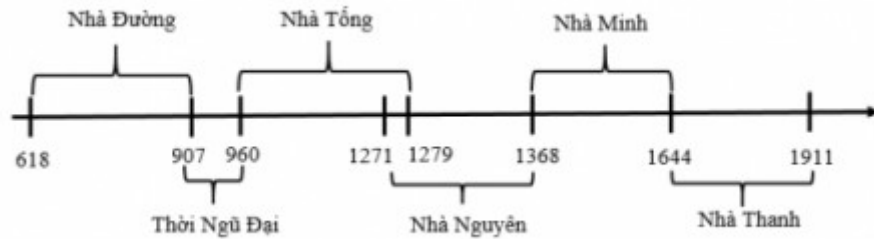
B. Trung Quốc đối mặt với nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây.

C. Bộ máy nhà nước được tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương.

D. Những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện và phát triển.

Câu 9: Hãy lập sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (từ thời Đường đến thời Thanh).

Đáp án: Sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (từ thời Đường đến thời Thanh):



Câu 10: Em hãy nêu những biểu hiện sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường?

Đáp án:

Những biểu hiện sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường:

- Bộ máy nhà nước được củng cố và hoàn thiện từ trung ương đến địa phương.
- Các hoàng đế cử người thân tín cai quản các địa phương, nhiều khoa thi được mở ra để triều đình tuyển chọn nhân tài làm quan.
- Nhà Đường tiếp tục chính sách bành trướng lãnh thổ và đến cuối thế kỉ VII, lãnh thổ nhà Đường rộng gần gấp đôi nhà Hán.
- Về kinh tế:
 - + Nhà Đường ban hành những chính sách phát triển nông nghiệp như miễn giảm sưu thuế, lấy ruộng đất công và ruộng đất bỏ hoang chia cho nông dân.
 - + Thủ công nghiệp và thương nghiệp đều phát triển: gốm sứ và tơ lụa của Trung Quốc theo con đường tơ lụa đi đến tận phương Tây. Con đường tơ lụa trở thành tuyến đường buôn bán quốc tế với sự tham gia của thương nhân khắp thế giới.

Câu 11: Em hãy mô tả những biểu hiện sự phát triển kinh tế dưới thời Minh - Thanh.

Đáp án:

Những biểu hiện của sự phát triển kinh tế dưới thời Minh - Thanh:

- Về nông nghiệp:
 - + Sản xuất nông nghiệp gia tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng.
 - + Các vua đầu triều Minh - Thanh thường giảm thuế khoá, chia ruộng đất cho nông dân đồng thời chú trọng công tác thủy lợi.
 - + Việc áp dụng luân canh cây trồng, nhập nhiều giống cây trồng mới, xây dựng nhiều đồn điền chuyên canh trồng ngũ cốc hoặc chè, bông,... đã góp phần cho sự phát triển của nông nghiệp.
- Về thủ công nghiệp:
 - + Thủ công nghiệp phát triển đa dạng, những nghề thủ công nổi tiếng nhất thời kì này là dệt tơ lụa, làm đồ sứ, đóng thuyền, làm giấy,...
 - + Các xưởng thủ công xuất hiện khắp nơi, phần lớn tập trung ở thành thị.
 - + Thời nhà Thanh đã hình thành nên những khu vực chuyên môn hoá sản xuất và đông đảo người làm thuê.
- Về thương nghiệp:
 - + Hoạt động buôn bán trong và ngoài nước phát triển mạnh.
 - + Quảng Châu trở thành thương cảng lớn nhất thu hút nhiều thương nhân nước ngoài đến buôn bán.
 - + Hàng hoá Trung Quốc được buôn bán khắp thế giới, tập trung ở Ấn Độ, Ba Tư, Ả-rập và các nước Đông Nam Á.

Bài 8. Vương triều Gúp-ta

Câu 1: Lãnh thổ Ấn Độ hiện nay thuộc khu vực nào?

A. Đông Nam Á.

- B. Tây Á.
- C. Tây Nam Á.
- D. Nam Á.

Câu 2: Điều kiện tự nhiên nào đã đem đến những thuận lợi để Ấn Độ phát triển nông nghiệp?

- A. Sông Ấn và sông Hằng tạo ra vùng đồng bằng phù sa màu mỡ
- B. Diện tích lãnh thổ rộng lớn, khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- C. Ba mặt giáp biển.
- D. Ấn Độ bị ngăn cách với bên ngoài bởi dãy Hi-ma-lay-a đồ sộ.

Câu 3: Điều kiện tự nhiên nào tạo thuận lợi cho giao thương, buôn bán của Ấn Độ phát triển?

- A. Sông Ấn và sông Hằng tạo ra vùng đồng bằng phù sa màu mỡ.
- B. Diện tích lãnh thổ rộng lớn, khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- C. Ba mặt giáp biển.
- D. Ấn Độ bị ngăn cách với bên ngoài bởi dãy Hi-ma-lay-a đồ sộ.

Câu 4: Năm 320, Ấn Độ được thống nhất lại dưới thời kì của

- A. vương triều Gúp-ta.
- B. vương triều Môn-gô.
- C. vương triều Hồi giáo Đê-li.
- D. vương triều Hác-sa.

Câu 5: Đầu thế kỉ VI, vương triều Gúp-ta phải đối mặt với khó khăn nào?

- A. Bị người Thổ Nhĩ Kỳ theo đạo Hồi tràn vào xâm lược.
- B. Đất nước phân liệt sau khi Hoàng đế A-sô-ca băng hà.
- C. Đất nước bị phân liệt do các cuộc đấu tranh của nông dân.
- D. Người Hung Nô và một số tộc người Trung Á tràn vào xâm lược.

Câu 6: Nội dung nào dưới đây mô tả đúng về tình xã hội ở Ấn Độ dưới thời Gúp-ta?

- A. Nhà nước thực hiện phân biệt sắc tộc, tôn giáo; ưu tiên người theo Hồi giáo.
- B. Chế độ đẳng cấp thể hiện rõ vị trí xã hội và nghề nghiệp của mỗi người.
- C. Chế độ đẳng cấp đã bị xóa bỏ; mọi người trong xã hội đều bình đẳng.
- D. Nhà nước thực hiện chính sách dung hòa các đẳng cấp, tộc người.

Câu 7: Dưới thời Gúp-ta, tôn giáo chính của Ấn Độ là

- A. Phật giáo.
- B. Hồi giáo.
- C. Hin-đu giáo.
- D. Đạo giáo.

Câu 8: Nhà văn xuất sắc nhất dưới thời vương triều Gúp-ta là

- A. Ka-li-đa-sa.
- B. A-sô-ca.
- C. Sơ-cun-tơ-la.
- D. Bha-ra-ta.

Câu 9: Trong lĩnh vực thiên văn học, người Ấn Độ dưới thời kì Gúp-ta đã đưa ra giả thuyết Trái Đất có dạng hình gì?

- A. Mặt phẳng.
- B. Hình vuông.
- C. Hình tròn.
- D. Hình cầu.

Câu 10: Quan niệm về Trái Đất của người Ấn Độ dưới thời Gúp-ta có điểm gì khác biệt so với người châu Âu ở cùng thời điểm (thế kỉ IV – VI)?

- A.** Trái Đất là trung tâm của hệ Mặt Trời.
- B.** Trái Đất hình vuông, quay quanh Mặt Trời.
- C.** Trái Đất là một mặt phẳng có dạng hình đĩa.
- D.** Trái Đất hình tròn và tự quay quanh trục của nó.

Câu 11: Chùa hang A-gian-ta và bảo tháp San-chi là thành tựu tiêu biểu của văn hóa Ấn Độ trên lĩnh vực nào?

- A.** Văn học.
- B.** Tôn giáo.
- C.** Kiến trúc, điêu khắc.
- D.** Nghệ thuật.

Câu 12: Dưới thời Gúp-ta, cư dân Ấn Độ đã đạt được thành tựu gì trên lĩnh vực y học?

- A.** Sử dụng thảo dược để chữa trị một số loại bệnh.
- B.** Chế tạo ra vắc-xin, phẫu thuật và khử trùng vết thương.
- C.** Biết cách gây mê, điều trị bệnh bằng thảo dược.
- D.** Sử dụng thuật châm cứu để chữa trị bệnh tật.

Câu 13: Dưới thời Gúp-ta, việc trường Đại học Phật giáo Na-lan-đa của Ấn Độ dạy cả tri thức về Hin-đu giáo thể hiện điều gì?

- A.** Phật giáo là quốc giáo, Hin-đu giáo không được coi trọng.
- B.** Hin-đu giáo là tôn giáo chính nhưng Phật giáo vẫn được coi trọng.
- C.** Ấn Độ giáo là tôn giáo chính, Phật giáo bị nhà nước cấm đoán.
- D.** Cả Hin-đu giáo và Phật giáo đều không được coi trọng.

Bài 9. Vương triều Hồi giáo Đê-li

Câu 1: Vương triều Đê-li được thành lập bởi người Hồi giáo gốc

- A.** Thổ Nhĩ Kỳ.
- B.** Mông Cổ.
- C.** A-rập.
- D.** Bắc Á.

Câu 2: Năm 1206, những người Hồi giáo gốc Thổ Nhĩ Kỳ đã thành lập vương triều Đê-li sau khi

- A.** đánh bại vương triều Mô-gôn.
- B.** chiếm được miền Bắc Ấn Độ.
- C.** đánh bại vương triều Gúp-ta.
- D.** chiếm được miền Nam Ấn Độ.

Câu 3: Nguyên nhân nào đã khiến vương triều Hồi giáo Đê-li sụp đổ?

- A.** Vương triều Gúp-ta được khôi phục lại.
- B.** Các cuộc đấu tranh của nhân dân Ấn Độ.
- C.** Sự tấn công của bộ phận người Mông Cổ ở Trung Á.
- D.** Cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Anh.

Câu 4: Kinh đô của Vương triều Hồi giáo Đê-li là

- A.** A-giốt-di-a.
- B.** Đê-li.
- C.** Na-lan-đa.
- D.** Pray-a-ga.

Câu 5: Ngành kinh tế chủ yếu của cư dân Ấn Độ dưới thời vương triều Hồi giáo Đê-li, là

- A. nông nghiệp.
- B. thủ công nghiệp.
- C. thương nghiệp.
- D. dịch vụ.

Câu 6: Dưới thời Vương triều Đê-li, thương nhân Ấn Độ trao đổi với các nước Trung Á và Tây Á để lấy

- A. vải vóc, gia vị.
- B. đồ trang sức, tơ lụa.
- C. đồ trang sức, gia vị.
- D. hàng hóa, ngựa chiến.

Câu 7: Dưới thời Vương triều Đê-li, tầng lớp Bà La Môn vẫn được xem là đẳng cấp cao nhất, nhưng thực quyền trong xã hội Ấn Độ thuộc về những người theo

- A. đạo Hin-đu.
- B. đạo Phật.
- C. Hồi giáo.
- D. đạo Ki-tô.

Câu 8: Thuế ngoại đạo ở Ấn Độ thời kì Vương triều Hồi giáo Đê-li là loại thuế gì?

- A. Thuế dành cho những người theo đạo Phật
- B. Thuế dành cho những người theo đạo Hindu
- C. Thuế dành cho những người không phải người Ấn Độ
- D. Thuế dành cho những người không theo đạo Hồi

Câu 9: Dưới thời vương triều Đê-li, tôn giáo nào đã được truyền bá, áp đặt vào Ấn Độ?

- A. Ấn Độ giáo.
- B. Hồi giáo.
- C. Phật giáo.
- D. Thiên Chúa giáo.

Câu 10: Việc Vương triều Đê-li truyền bá, áp đặt đạo Hồi đã khiến cho văn hóa Ấn Độ

- A. lụi tàn, không thể phát triển.
- B. mất đi sự phong phú, đa dạng.
- C. có thêm yếu tố văn hóa mới.
- D. mất đi tính bản địa truyền thống.

Câu 11: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng đặc điểm của các công trình kiến trúc Hồi giáo được xây dựng ở Ấn Độ?

- A. Trang trí bằng nhiều tranh, tượng, hoa văn.
- B. Tháp cao, mái vòm, cửa vòm.
- C. Họa tiết trang trí bằng chữ A-rập cổ.
- D. Sân rộng.

Câu 12: Chữ viết chính thức của Ấn Độ dưới thời vương triều Đê-li là

- A. chữ A-rập cổ.
- B. chữ Hin-đi.
- C. chữ Phạn.
- D. chữ Ba Tư.

Câu 13: Nhà văn hóa, nhà thơ lớn của Ấn Độ dưới thời kì vương triều Đê-li là

- A. A-sô-ka.
- B. Ca-li-đa-sa.
- C. Ka-bi.
- D. Tun-xi Đa-xơ.

Câu 14: Nội dung chủ yếu trong các sáng tác của nhà thơ Ka-bi là

- A.** ca ngợi lòng dũng cảm của nhân dân Ấn Độ trong cuộc đấu tranh vệ quốc.
- B.** phản ánh hiện thực cuộc sống nghèo khổ của các tầng lớp nhân dân.
- C.** ca ngợi lòng trung thực, sống lương thiện và tinh thần khoan dung.
- D.** mô tả những sự kiện lịch sử, cuộc sống trong cung đình Đê-li.

Bài 10. Đế quốc Mô-gôn

Câu 1: Vương triều Hồi giáo Mô-gôn được thành lập bởi bộ phận

- A.** người Ấn Độ.
- B.** người Ả-rập ở Tây Á.
- C.** người Mông Cổ ở Trung Á.
- D.** người Hồi giáo gốc Thổ Nhĩ Kỳ.

Câu 2: Vương triều Hồi giáo Mô-gôn được thành lập sau khi

- A.** lật đổ vương triều Gúp-ta.
- B.** lật đổ vương triều Đê-li.
- C.** giành lại độc lập từ tay thực dân Anh.
- D.** thống nhất được miền Nam Ấn Độ.

Câu 3: Vị vua nào đã đưa đế quốc Mô-gôn bước vào giai đoạn phát triển thịnh trị nhất?

- A.** Vua A-sô-ka.
- B.** Vua A-cơ-ba.
- C.** Vua Gia-han-ghi-a.
- D.** Vua Sa Gia-han.

Câu 4: Hoàng đế A-cơ-ba đã thống nhất lãnh thổ Ấn Độ thông qua con đường

- A.** truyền bá văn hóa.
- B.** đàm phán ngoại giao.
- C.** di dân, khẩn hoang.
- D.** chiến tranh chinh phạt.

Câu 5: Những chính sách cải cách chính trị của vua A-cơ-ba có tác dụng như thế nào?

- A.** Chính trị Ấn Độ ổn định, quyền lực nhà vua được củng cố.
- B.** Văn hóa phát triển rực rỡ với nhiều thành tựu đỉnh cao.
- C.** Xã hội Ấn Độ ổn định trên cơ sở dung hòa sắc tộc.
- D.** Xã hội ổn định, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển.

Câu 6: Những chính sách cải cách kinh tế của vua A-cơ-ba có tác dụng như thế nào?

- A.** Nông nghiệp phát triển, nhưng thủ công nghiệp bị hạn chế.
- B.** Sản phẩm nông nghiệp đa dạng, kinh tế hàng hóa phát triển.
- C.** Thương nghiệp kém phát triển, thị trường buôn bán thu hẹp.
- D.** Mô-gôn trở thành cường quốc công nghiệp hàng đầu châu Á.

Câu 7: Những chính sách cải cách xã hội của vua A-cơ-ba có tác dụng như thế nào?

- A.** Chế độ đẳng cấp bị xóa bỏ hoàn toàn, xã hội ổn định.
- B.** Xã hội Ấn Độ xuất hiện nhiều bất ổn, mâu thuẫn, rạn nứt.
- C.** Xã hội ổn định trên cơ sở dung hòa các tôn giáo và tộc người.
- D.** Mâu thuẫn tôn giáo và sắc tộc trong xã hội ngày càng gay gắt.

Câu 8: Vua A-cơ-ba đã thực hiện chính sách cải cách nào trên lĩnh vực xã hội?

- A.** Quy định người không theo Hồi giáo phải nộp thuế ngoại đạo.
- B.** Khuyến khích giới quý tộc Mông Cổ bóc lột, đàn áp người dân.
- C.** Phân biệt sắc tộc, tôn giáo; giành nhiều đặc quyền cho người Hồi giáo.
- D.** Xây dựng khối hòa hợp dân tộc trên cơ sở dung hòa các tôn giáo, tộc người.

Câu 9: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng chính sách cải cách của vua A-cơ-ba trên lĩnh vực chính trị?

- A.** Xây dựng luật pháp nghiêm minh.
- B.** Tham khảo các bộ luật cổ truyền của Ấn Độ.
- C.** Nhà vua trao quyền tự trị cho các địa phương.
- D.** Hoàng đế đích thân bổ nhiệm tất cả các quan chức.

Câu 10: Nhà thơ nổi tiếng nhất dưới thời vương triều Mô-gôn là

- A.** Tun-xi Đa-xơ.
- B.** Ca-li-đa-sa.
- C.** A-cơ-ba.
- D.** Ka-bi.

Câu 11: Tác phẩm chính của nhà thơ Tun-xi Đa-xơ là

- A.** sử thi Ma-ha-bha-ra-ta.
- B.** sử thi Ra-ma-ya-na.
- C.** vở kịch Sơ-cun-tơ-la.
- D.** trường ca Ra-ma-chi-ri-ta Ma-na-sa.

Câu 12: Công trình kiến trúc nổi tiếng dưới thời kì vương triều Mô-gôn là

- A.** lăng mộ Ta-giơ Ma-han.
- B.** chùa hang A-gian-ta.
- C.** bảo tháp San-chi.
- D.** tháp Hồi giáo Ku-túp Mi-na.

Bài 11. Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI

Câu 1: Thế kỉ X, lịch sử khu vực Đông Nam Á được mở đầu bằng sự kiện nào?

- A.** Vương quốc Phù Nam sụp đổ trước sự tấn công của Chân Lạp.
- B.** Nhà nước thống nhất của người Việt được thành lập.
- C.** Các quốc gia của người Thái ra đời ở lưu vực sông Mê Nam.
- D.** Vương quốc Ma-lắc-ca được thành lập ở vùng hải đảo.

Câu 2: Đầu thế kỉ XV, vương quốc Ma-lắc-ca được thành lập dựa trên cơ sở sự phân liệt của

- A.** Sri Vi-giay-a.
- B.** Ka-lin-ga.
- C.** Mô-giô-pa-hít.
- D.** A-giút-thay-a.

Câu 3: Quốc gia phong kiến nào sau đây thuộc khu vực Đông Nam Á hải đảo?

- A.** Đại Việt.
- B.** Lan Xang.
- C.** Mô-giô-pa-hít.
- D.** A-ut-thay-a.

Câu 5: Trong các thế kỉ X - XV, tôn giáo nào phát triển rực rỡ ở vương quốc Pa-gan, Đại Việt, Cam-pu-chia và các vương quốc nói tiếng Thái?

- A.** Hồi giáo.
- B.** Phật giáo.
- C.** Thiên Chúa giáo.
- D.** Nho giáo.

Câu 6: Quốc giáo của nhiều vương quốc hải đảo Đông Nam Á từ sau thế kỉ XIII là

- A.** Hồi giáo.
- B.** Phật giáo.

C. Thiên Chúa giáo.

D. Nho giáo.

Bài 12. Vương quốc Cam-pu-chia

Câu 1: Người sáng lập ra triều đại Ăng-co là

A. Giay-a-vác-man I.

B. Giay-a-vác-man II.

C. Giay-a-vác-man VII.

D. Giay-a-vác-man VIII.

Câu 4: Lãnh thổ vương quốc Cam-pu-chia được mở rộng bao gồm vùng hạ lưu sông Mê Nam và trung lưu sông Mê Công dưới thời vua

A. Giay-a-vác-man I.

B. Giay-a-vác-man II.

C. Giay-a-vác-man VII.

D. Giay-a-vác-man VIII.

Câu 2: Thời kì Ăng-co ở Cam-pu-chia kéo dài từ

A. thế kỉ IX đến thế kỉ XV.

B. thế kỉ XV đến thế kỉ XIX.

C. thế kỉ X đến thế kỉ XIII.

D. thế kỉ VI đến thế kỉ IX.

Câu 3: Trong thời kì Ăng-co, từ thế kỉ X - XIII là giai đoạn

A. mở đầu thời kì Ăng-co.

B. khôi phục và củng cố.

C. phát triển.

D. suy thoái.

Câu 5: Ngành kinh tế chủ yếu của vương quốc Cam-pu-chia dưới thời kì Ăng-co là

A. thủ công nghiệp.

B. khai thác lâm thổ sản.

C. nông nghiệp.

D. đánh bắt cá.

Câu 6: Công trình kiến trúc tiêu biểu của cư dân Cam-pu-chia thời Ăng-co là

A. thánh địa Mỹ Sơn.

B. tháp Thạt Luồng.

C. đền Bô-rô-bu-đua.

D. đền Ăng-co Vát.

Câu 7: Trên cơ sở sử thi Ra-ma-y-a-na của Ấn Độ, cư dân Cam-pu-chia đã sáng tạo ra tác phẩm văn học nào?

A. Sử thi Riêm-kê.

B. Sử thi Đăm-săn.

C. Truyện Phu-nơ Nha-nơ.

D. Truyện Dạ Thoa vương.

Câu 8: Tác phẩm văn học nào của cư dân Cam-pu-chia có nội dung kể lại các sự tích, tiền kiếp của đức Phật?

A. Riêm-kê.

B. Đăm-săn.

C. Quả bầu Nậm.

D. Ja-ta-ca.

Bài 13: Vương quốc Lào

Câu 1: Trước khi vương quốc Lan Xang ra đời, trên lãnh thổ vương quốc có những tộc người nào sinh sống?

- A. Người Lào Thông, người Khơ-me.
- B. Người Lào Thông, người Lào Lùm.
- C. người Thái, người Lào Lùm.
- D. người Khơ-me, người Thái.

Câu 2: Vị vua đã có công thống nhất các bộ tộc Lào, lập ra vương quốc Lan Xang là

- A. Xu-li-nha Vông-xa.
- B. Pha Ngừm.
- C. Giay-a-vác-man II.
- D. Chậu A Nụ.

Câu 3: Vương quốc Lan Xang đạt đến sự phát triển thịnh vượng trong thời gian từ

- A. thế kỉ XIII - XIV.
- B. thế kỉ XIV - XV.
- C. thế kỉ XV - XVI.
- D. thế kỉ XVI - XVII.

Câu 4: Đơn vị hành chính cấp địa phương của vương quốc Lan Xang là

- A. mường.
- B. tỉnh.
- C. thừa tuyên.
- D. trấn.

Câu 5: Tôn giáo nào có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hóa, xã hội Lào?

- A. Hồi giáo.
- B. Ấn Độ giáo.
- C. Phật giáo.
- D. Nho giáo.

Câu 6: Điệu múa truyền thống của người Lào là

- A. điệu múa Lăm-vông.
- B. điệu múa Ap-sa-ra.
- C. điệu múa xòe.
- D. vũ điệu sam-ba.

Câu 7: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng sự phát triển của vương quốc Lào thời kì Lan Xang?

- A. Giữ quan hệ hòa hiếu với nước ngoài, kiên quyết chống lại chiến tranh xâm lược.
- B. Dân cư dần dần trở nên đông đúc, đời sống thanh bình.
- C. Phát triển nông nghiệp, thủ công truyền thống và buôn bán với nước ngoài.
- D. Kinh đô chuyển từ Viêng Chăn về Mường Xoa (Luông Pha-bang).

Câu 8: Vương quốc Lan Xang thi hành chính sách đối ngoại như thế nào?

- A. Ép các nước nhỏ hơn phải thần phục, triều cống.
- B. Hòa hiếu với láng giềng nhưng cương quyết chống xâm lược.
- C. Tiến hành nhiều cuộc chiến tranh chinh phạt để mở rộng lãnh thổ.
- D. “Bế quan tỏa cảng”, đóng cửa không giao thương với quốc gia nào.

Câu 15: Thế kỉ XIII, chữ Lào ra đời với các nét chữ cong, cùng dạng với chữ viết của

- A. Cam-pu-chia và Miến Điện.
- B. Đại Việt và Chăm-pa.
- C. Miến Điện và Đại Việt.
- D. Trung Quốc và Ấn Độ.

